

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2019/HS-ST

Ngày 24 - 10- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Nguyễn Văn Cao.

- Ông: Nguyễn Quang Sỹ .

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh Hà G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh Hà G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh Hà G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 16/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 đối bị cáo:

1. Bị cáo: Lã Văn Q (tên gọi khác: không); Sinh ngày 18/12/1992; Nơi sinh: huyện BM, tỉnh Hà G; Nơi đăng ký HKTT: Thôn PS, Thị trấn YP, huyện BM, tỉnh Hà G; Chỗ ở hiện nay: Thôn PM, Thị trấn YP, huyện BM, tỉnh Hà G; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lã Văn Q, sinh năm 1973 và con bà Lã Thị T, sinh năm 1972; Có 02 anh em ruột trong đó bị cáo là con thứ 01 trong gia đình; Có vợ là Dương Thúy P, sinh năm 1996; con: có 01 con, sinh năm 2014; Về tiền án: Không; Về tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/02/2017 bị TAND tỉnh Hà G tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng; Ngày 29/6/2017 bị công an TP Hà G, tỉnh Hà G xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 24/10/2018 bị Phòng CSĐTTP về ma túy (PC04), tỉnh Hà G xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã được xóa). Bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 và chuyển tạm giam từ ngày 02/8/2019, hiện Đg áp dụng biện pháp tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện BM, tỉnh Hà G (Có mặt).

2. Bị hại

- Anh Nông Văn T, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn CP, xã YC, huyện BM, tỉnh Hà G.

(Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

- Anh: Hoàng Căn S, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn NN II, xã ĐH, huyện BM, tỉnh Hà G. (*Có mặt*).

4. Những người làm chứng

- Chị Lã Thị T, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn PM, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh Hà G.

(*Có mặt*).

- Anh Nông Văn V, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn CP, xã YC, huyện BM, tỉnh Hà G.

(*Vắng mặt không có lý do*).

- Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn PM, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh Hà G. (*Vắng mặt không có lý do*).

- Anh Hoàng Trường G, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Thôn NN II, xã ĐH, huyện BM, tỉnh Hà G. (*Vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h00 ngày 12/7/2019 Lã Văn Q– SN 1992, chỗ ở hiện nay: Thôn PM, TT YP, huyện BM, tỉnh Hà G đi nhờ xe của một người đàn ông lạ mặt (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) từ thôn PM, thị trấn YP, huyện BM đến nhà anh Nông Văn T , trú tại thôn CP, xã YC, huyện BM chơi, ăn cơm, uống rượu và ngủ qua đêm tại nhà anh Thêm. Đến khoảng 09h30 sáng ngày 13/7/2019 thì Q ngủ dậy, lúc này anh V và Thêm Đg làm khung nhôm cửa kính ở phía ngoài, Q thấy điện thoại di động của anh Nông Văn V, nơi cư trú: thôn CP, xã YC, huyện BM (là anh họ của Thêm) Đg cắm sạc ở gần giường ngủ nên Q hỏi mượn điện thoại di động của anh V để xem phim và được anh V đồng ý. Q chơi điện thoại được một lúc thì thấy đã gần đến giờ cơm trưa, còn anh V và Thêm thì vẫn chưa làm việc xong, Q hỏi mượn xe máy của Thêm đi vào chợ xã YC xem có gì ăn không thì mua về cùng ăn. Do là bạn học cũ thời cấp III với nhau nên Thêm tin tưởng và đồng ý giao chìa khóa xe và xe máy nhãn hiệu Sirius - YAMAHA, màu sơn đỏ - đen BKS: 23K1 – 056.25 của Thêm cho Q. Q điều khiển xe máy theo hướng đi ra chợ xã YC, đi được khoảng 05 - 10 phút thì Q nhận được cuộc gọi vào máy điện thoại di động của anh V, lúc này Q mới nhớ ra là lúc chơi điện thoại xong đã tiện tay rút điện thoại của anh V vào túi quần, Q nghe máy thì được Thêm yêu cầu Q mang máy điện thoại về trả cho anh V. Q quay lại trả lại máy điện thoại cho anh V rồi Q tiếp tục điều khiển xe máy ra chợ xã YC để mua thức ăn nhưng khi đến nơi thì chợ đã tan nên Q không mua được gì. Q điều khiển xe máy đi thẳng vào xã ĐH, huyện BM mục đích là đi chơi, khi gần đến trung tâm xã ĐH thấy kim báo xăng của xe máy báo gần hết xăng, Q dừng xe mở cốp xe máy và mở nắp bình xăng ra để kiểm tra thì phát hiện bên trong cốp xe có 01 Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe máy BKS: 23K1 – 056.25 mang tên Nông Văn Thêm nên Q nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy lấy tiền tiêu xài. Q điều khiển xe máy đến quán nhà anh Hoàng Trường G, trú tại thôn NN II, xã

ĐH, huyện BM để hỏi cầm cố xe máy lấy tiền nhưng anh G nói không có tiền nên từ chối. Q tiếp tục điều khiển xe đi thêm một đoạn thì phát hiện thấy quán sửa chữa xe máy của anh Hoàng Cần S, trú tại: Thôn NN II, xã ĐH, huyện BM, Q hỏi anh S cầm cố chiếc xe máy trên để lấy số tiền 8.000.000đ, anh S xem chiếc xe máy và hỏi Q chiếc xe máy này là của ai. Q nói dối với anh S chiếc xe máy này là của Q mua lại của Thêm (người ở xã YC) đã hai năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, đồng thời Q đưa cho anh S xem Giấy đăng ký xe. Anh S nói hiện tại anh S chỉ còn 5.000.000đ, nếu đồng ý thì Q phải viết giấy vay tiền. Q đồng ý và viết giấy vay tiền đưa cho anh S, đồng thời nói thêm với anh S (nói ngoài không ghi vào giấy vay tiền) là mấy hôm nữa có tiền thì Q sẽ đến chuộc xe về và sẽ đưa thêm cho anh S khoảng 100.000đ đến 200.000đ. Sau đó anh S giao tiền, còn Q giao xe máy, chìa khóa và giấy đăng ký xe cho anh S. Sau đó anh S giao tiền, còn Q giao xe máy, chìa khóa và giấy đăng ký xe cho anh S. Sau khi cầm cố lấy được tiền, Q bắt xe khách đi sang xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Tại đây, Q mua ma túy của một người đàn ông lạ mặt (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) với số tiền 500.000đ, số ma túy này Q đã tự mình sử dụng hết. Sau đó Q tiếp tục bắt xe khách đi thành phố Hà Nội chơi khoảng 01 tuần. Khi gần hết tiền, Q bắt xe khách về nhà ở thôn PM, thị trấn YP, huyện BM. Đến ngày 24/7/2019, được gia đình vận động nên Lã Văn Q đã đến Công an huyện BM đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị hại anh Nông Văn Thêm khai nhận tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ngày 28/8/2019 anh Thêm đã được nhận lại tài sản chiếc xe máy qua kiểm tra tình trạng xe không thay đổi hoặc hỏng hóc gì và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nông Văn Thêm nên anh Thêm không yêu cầu bị cáo Q bồi thường gì thêm đồng thời anh Thêm đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Cần S khai tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án; Về phần dân sự: Do ngày 22/10/2019, anh S đã nhận được số tiền 5.000.000đ là số tiền anh S đã giao cho Q khi nhận cầm cố tài sản là xe máy của anh Thêm, do vậy anh không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự. Đồng thời anh S giữ nguyên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo Đơn giảm nhẹ hình phạt ngày 22/8/2019 đã nộp cho Tòa án nhân dân huyện BM.

Người làm chứng, chị Lã Thị T khai tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngày 22/10/2019, do bị cáo tác động, chị T đã thay bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Cần S số tiền 5.000.000đ, số tiền này là của chị T, chị không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của những người làm chứng *anh* Nông Văn V; Anh Hoàng Trường G và Chị Hoàng Thị Đ vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Lời khai có trong hồ sơ vụ án của những người làm chứng hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng cũng như toàn bộ tiến trình của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lã Văn Q về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Trong phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị tuyên bố bị cáo Lã Văn Q phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lã Văn Q từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù giam về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 24/7/2019).

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về TNDS: Không.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BM, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, Kiểm sát viên; Tòa án nhân dân huyện BM, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ buộc tội: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/7/2019, Lã Văn Q nhờ mối quan hệ từ trước và sự tin tưởng của anh Nông Văn Thêm đã mượn xe máy của anh Thêm ra chợ xã YC, huyện BM để mua thức ăn nhưng khi đến nơi thì chợ đã tan, các hàng quán bán đồ ăn đã nghỉ hết nên Q không mua được gì. Q không quay về trả xe cho anh Nông Văn T mà tiếp tục điều khiển xe vào xã ĐH, huyện BM để chơi, sau đó vô tình phát hiện trong xe có giấy chứng nhận đăng ký xe của anh Nông Văn T, Q nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đến quán sửa xe anh Hoàng Cần S, bị cáo Q hỏi anh S cầm cố chiếc xe máy trên để lấy số tiền 8.000.000đ và nói rằng xe đã mua của anh Nông Văn

T hai năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ nên trên giấy đăng ký xe vẫn mang tên anh T. Anh S đồng ý cầm cố chiếc xe mang 23K1- 056.25, nhãn hiệu Sirius – YAMAHA màu sơn đỏ- đen nhưng với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 13/BKL-HĐĐGTS ngày 30/7/2019: chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius – YAMAHA màu sơn đỏ - đen; BKS: 23K1- 05625 (xe cũ đã qua sử dụng) có giá 13.750.000đ (*Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BM truy tố bị cáo Lã Văn Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Lã Văn Q là một thanh niên trẻ, được bố mẹ cho ăn học đàng hoàng nên có sự am hiểu về xã hội và pháp luật. Tuy nhiên, đã có hành vi cầm cố tài sản không phải của mình, sau khi có tiền bị cáo đã mua ma túy tại xã YH, huyện NH, tỉnh TQ với số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Theo lời khai của bị cáo Lã Văn Q đã mua ma túy của 01 người lạ mặt (không biết tên, tuổi, địa chỉ) trên địa bàn xã YH, huyện NH, tỉnh TQ. Quá trình điều tra không có cơ sở để truy tìm đối với người lạ mặt trên, do vậy không có căn cứ để xử lý. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Công an huyện BM xử phạt hành chính theo Quyết định số 01 ngày 29/8/2019 vì vậy Tòa án không xem xét

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo thông qua việc lợi dụng lòng tin, mượn tài sản và đem đi cầm cố dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi này không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy (xe cũ đã qua sử dụng) có giá 13.750.000đ (*Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), nên bị cáo Q bị truy tố theo quy định điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm là có cơ sở và đúng với các quy định của pháp luật, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, lời khai của những người tham gia tố tụng có trong hồ sơ và quá trình tranh luận tại phiên tòa.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bất kỳ hành vi nào về xâm phạm đến quyền sở hữu đều là nghiêm trọng cần phải được loại trừ ra khỏi xã hội và xử lý nghiêm. Bị cáo sau khi được gia đình thuyết phục đã ra đầu thú, khai nhận hành vi trái pháp luật của mình, trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo đã tự

nguyện bồi thường 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) cho anh Hoàng Căn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Đồng thời tại phiên tòa, bị hại Nông Văn Thêm và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Căn S xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo cần được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: anh Nông Văn Thêm đã nhận được chiếc xe máy mang biển kiểm soát 23K1- 056.25, nhãn hiệu Sirius – YAMAHA màu sơn đỏ- đen, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường, vì vậy HĐXX không đề cập đến. Tại phiên tòa, anh Nông Văn Thêm cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt để tạo cơ hội cho bị cáo sửa sai, tu chí làm ăn giúp đỡ gia đình.

- Người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Căn S: Khi thực hiện giao dịch cầm cố tài sản với bị cáo là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), không biết chiếc xe này do bị cáo mượn của anh Nông Văn T, không phải bị cáo đã mua được hai năm từ anh T như lời bị cáo nói, nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự, HĐXX không xem xét. Trước khi mở phiên tòa gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Hoàng Căn S, tại phiên tòa hôm nay anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì gia đình bị cáo đã khắc phục được hậu quả mà bị cáo gây ra.

Chị Lã Thị T là người báo tin cho anh Nông Văn T về việc bị cáo cầm cố tài sản của anh Thêm tại nhà anh Hoàng Căn S, nên chị T được triệu tập tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Lã Thị T khai đã bồi thường thay bị cáo cho ông Hoàng Căn S 5.000.000đ, vì vậy chị Lã Thị T thay đổi tư cách tham gia tố tụng thành người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến số tiền bồi thường này. Về số tiền này, chị T không yêu cầu bị cáo trả lại nên HĐXX không xem xét.

- Người làm chứng:

Anh Nông Văn V, do trước đó anh có cho bị cáo mượn điện thoại để chơi, sau đó khi phát hiện không thấy điện thoại đâu, anh đã nhờ Thêm gọi vào điện thoại của mình yêu cầu Q trả điện thoại, Q cũng đã trả lại ngay, do đó anh V không có yêu cầu gì về dân sự, vì vậy HĐXX không xem xét.

Anh Hoàng Trường G, khi bị cáo hỏi cầm cố chiếc xe, anh G không có tiền nên không cầm cố cho bị cáo và giới thiệu bị cáo đến các cửa hàng sửa xe gần đó. Vì anh G không biết về nguồn gốc chiếc xe máy cũng như hành vi trái pháp luật nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự, HĐXX không xem xét.

Chị Hoàng Thị Đ, là người nhìn thấy Q điều khiển xe máy của anh Nông Văn Thêm trên đường đi cầm cố xe máy, không biết về nguồn gốc chiếc xe cũng như ý định của bị cáo, nên không có cơ sở để Cơ quan điều tra xử lý trách nhiệm hình sự nên HĐXX không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 175 BLHS quy định : “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản..*”. Vì vậy, ngoài hình phạt tù là hình phạt chính thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền là hình phạt bổ sung. Tuy nhiên từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng bản thân bị cáo không có công việc, nghề nghiệp và không có nhập ổn định, đồng thời bị cáo là lao động chính trong gia đình, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, việc viện dẫn điều Luật và đề nghị mức hình phạt trên là đã xem xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đưa ra các mức hình phạt như các nội dung đã nhận định trên, nên cần được chấp nhận.

[9] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy và giấy tờ xe cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cần buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố bị cáo:** Lã Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- **Hình phạt:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; Điểm b; s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lã Văn Q **09** tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 24/7/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Lã Văn Q với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- **Về vật chứng:** Không.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Không.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lã Văn Q phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện + tỉnh Hà G;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện BM;
- Sở tư pháp HG;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà G;
- Cơ quan THAHS CA huyện BM;
- Nhà tạm giữ CA huyện BM;
- Chi cục THADS huyện BM;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND Thị trấn YP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THAHS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cù Văn Minh

